

Số: 28/NQ-HĐND

Thọ Xuân, ngày 19 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công số 43/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 4878/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thanh Hóa;

Xét tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 123/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017 - 2020 với những nội dung sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017 - 2020 của huyện là: 241.897 triệu đồng; Phân bổ cho các công trình, dự án như sau:

1. Bố trí vốn cho các công trình, dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2016 sang giai đoạn 2017 - 2020 là: 106.327 triệu đồng, trong đó:

1.1. Bố trí trả nợ XDCB cho các công trình, dự án hoàn thành có quyết toán được phê duyệt: 19.157 triệu đồng, chiếm 7,9% kế hoạch;

1.2. Bố trí trả nợ XDCB cho các công trình, dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 8.398 triệu đồng, chiếm 3,5% kế hoạch;

1.3. Bố trí vốn cho các công trình, dự án đang tiến hành thi công: 78.772 triệu đồng, chiếm 32,5% kế hoạch.

2. Bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công giai đoạn 2017 - 2020 là: 127.680 triệu đồng, trong đó:

1.1. Bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công năm 2017: 63.580 triệu đồng, chiếm 26,3% kế hoạch;

1.2. Bố trí cho các công trình, dự án khởi công giai đoạn 2018-2020: 64.100 triệu đồng, chiếm 26,5% kế hoạch.

3. Bố trí vốn trả nợ vay đầu tư: 7.890 triệu đồng, chiếm 3,3% kế hoạch

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Để thuận lợi cho việc điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công, Hội đồng nhân dân huyện ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 (nếu có); quyết định danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân huyện; báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để giao kế hoạch cho Ban quản lý dự án, các ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân huyện.

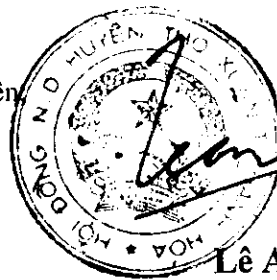
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các ban Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Thọ Xuân khóa XIX, kỳ họp thứ tư, nhiệm kỳ 2016 - 2021, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực: HĐND tỉnh, UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính, sở Tư pháp;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XIX;
- Ủy ban MTTQ huyện và các đoàn thể cấp huyện;
- VP: Huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- Các phòng, ngành, cơ quan, đơn vị;
- Thường trực: HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PCT TT HĐND huyện.

CHỦ TỊCH



Lê Anh Xuân

Phụ biểu : KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN HUYỆN THỌ XUÂN GIAI ĐOẠN 2017-2020

(Kèm theo Nghị Quyết số: 28/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân huyện Thọ Xuân)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Vốn còn phải bố trí giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020														Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020									
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
															NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng số	1.324.035	682.890	641.145	418.006	281.731	136.275	902.529	401.159	501.370	575.064	333.167	241.897	67.366	60.025	447.673	265.801	181.872	101.073	60.668	85.146	60.612	79.582	60.592	
1	Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt	132.144	68.365	63.779	111.384	66.762	44.622	20.760	1.603	19.157	20.760	1.603	19.157	-	8.855	11.905	1.603	10.302	1.603	5.139	-	3.197	-	1.966	
1	Đường GT từ tỉnh lộ 506 đi Xuân Giang	7.737	6.424	1.313	6.858	6.424	434	879	-	879	879	-	879		425	454	-	454		454					
2	Đường giao thông Thọ Minh - Xuân Châu	1.636		1.636	1.540		1.540	96	-	96	96	-	96		96	-	-	-							
3	Đường Nam Giang - Bắc Lương - Xuân Thành	5.679		5.679	5.130		5.130	549	-	549	549	-	549		549	-	-	-							
4	Đường cứu hộ cứu nạn Xuân Tín Quảng Phú huyện Thọ Xuân	13.968	12.140	1.828	13.377	12.140	1.237	591	-	591	591	-	591		130	461	-	461		461					
5	Đường Thọ Diên - Thọ Hải	4.351	2.742	1.609	3.992	2.742	1.250	359	-	359	359	-	359		359	-	-	-							
6	Đường Xuân Châu - Ba Si (vốn 1ea 11,7 tỷ)	14.792	13.303	1.489	12.192	11.700	492	2.600	1.603	997	2.600	1.603	997		300	2.300	1.603	697	1.603	697					Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ
7	Cầu Tây Xuân Khánh	2.745	1.000	1.745	2.300	1.000	1.300	445	-	445	445	-	445		445	-	-	-							
8	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 3/2 đoạn từ tỉnh lộ 506 đến Cầu Trường Giang xã Xuân trường	3.741	2.334	1.407	3.034	2.334	700	707	-	707	707	-	707		500	207	-	207		207					
9	Sửa chữa cải tạo trụ sở nhà làm việc UBND huyện	9.415		9.415	8.802		8.802	613	-	613	613	-	613		613	-	-	-							
10	Cổng tường rào khuôn viên UBND huyện	964		964	600		600	364	-	364	364	-	364		364	-	-	-							
11	Sửa chữa khu hội nghị huyện Thọ Xuân	1.273		1.273	600		600	673	-	673	673	-	673		673	-	-	-							
12	Trạm xử lý rác thải sinh hoạt thị trấn Thọ Xuân (X. Sơn)	9.445	4.990	4.455	8.583	4.990	3.593	862	-	862	862	-	862		300	562	-	562		562					
13	Khu xử lý rác thải sinh hoạt thị trấn Thọ Xuân (Xuân Trường)	5.833		5.133	2.300		2.300	2.833	-	2.833	2.833	-	2.833		500	2.333	-	2.333		500		1.000		833	
14	Sửa chữa mặt đê tả sông Chu đoạn từ K6+00 đến K11+760 (từ xã Thọ Lập đi cầu Hạnh Phúc)	687		687	400		400	287	-	287	287	-	287		287	-	-	-							
15	Cổng tiêu nước kênh mau lợi xã Xuân lập	1.524		1.524	1.300		1.300	224	-	224	224	-	224		224	-	-	-							
16	Đường GT liên xã Xuân Giang Xuân Sơn (giai đoạn1)	3.686		3.686	3.105		3.105	581	-	581	581	-	581		300	281	-	281		281					
17	Đường GT liên xã Xuân Giang Xuân Sơn (giai đoạn 2)	6.049		6.049	5.749		5.749	300	-	300	300	-	300		300	-	-	-							
18	Khu xử lý rác thải Xuân Thành	970		970	500		500	470	-	470	470	-	470		470	-	-	-							
19	Trạm xử lý nước sạch TT Thọ Xuân, hạng mục bể lắng	2.296		2.296	1.896		1.896	400	-	400	400	-	400		400	-	-	-							
20	Xử lý sạt lở đê hữu sông Cầu Cháy đoạn qua các xã Xuân Minh, Xuân Tân huyện Thọ Xuân	18.119	16.081	2.038	17.516	16.081	1.435	603	-	603	603	-	603		300	303	-	303		303					
21	Trạm xử lý nước sạch TT Thọ Xuân, hạng mục đầu nối vào hộ gia đình.	960		960	-			960	-	960	960	-	960		160	800	-	800		300		500			

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bỏ trị đến 31/12/2016			Vốn còn phải bỏ trị giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020															Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020											
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
																			NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh		NS huyện
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		
22	Cầu Ca Lọc xã Thọ Xương và cầu Xuân Hưng huyện Thọ Xuân.	5.605	2.000	3.605	2.122	2.000	122	3.483	-	3.483	3.483	-	3.483		1.000	2.483	-	2.483		500		850		1.133			
23	Hệ thống nước sạch thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân	7.685	5.351	2.334	6.511	5.351	1.160	1.174	-	1.174	1.174	-	1.174			1.174	-	1.174		574		600					
24	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 506 đoạn từ ngã tư Bách hóa đến ngã tư Bến xe và đường vào khu Hội nghị huyện Thọ Xuân (giai đoạn 1)	2.747	2.000	747	2.200	2.000	200	547	-	547	547	-	547			547	-	547		300		247					
25	Nhà làm việc Huyện ủy (hạng mục cầu thang máy)	937		937	777		777	160	-	160	160	-	160		160	-	-	-									
II	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt	115.585	64.784	50.801	97.082	54.679	42.403	18.503	10.105	8.398	17.362	8.964	8.398	-	2.900	14.462	8.964	5.498	4.800	2.221	4.164	1.760	-	1.517			
1	Đường vào căn cứ chiến đấu và trường bắn đạn thật Xuân Phú	6.568	280	6.288	6.090	280	5.810	478	-	478	478	-	478		200	278	-	278		278							
2	Cầu Nam Thành 2 TT Thọ Xuân	8.562		8.562	8.219		8.219	343	-	343	343	-	343		200	143	-	143		143							
3	Trung tâm TĐTT huyện	15.671		15.671	12.154		12.154	3.517	-	3.517	3.517	-	3.517		1.000	2.517	-	2.517		500		1.000		1.017			
4	Sửa chữa nhà làm việc huyện ủy, hạng mục: nội thất	1.300		1.300	1.000		1.000	300	-	300	300	-	300		300	-	-	-									
5	Di chuyển đài truyền thanh huyện	1.300		1.300	500		500	800	-	800	800	-	800		400	400	-	400		400							
6	Di chuyển đường điện từ thị trấn đi Hạnh phúc (đường Cầu Ké - TT Thọ Xuân)	2.500		2.500	1.500		1.500	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000		500	500	-	500		500							
7	Đường giao thông Xuân Lai - Xuân Vinh huyện Thọ Xuân	37.480	30.480	7.000	28.816	22.816	6.000	8.664	7.664	1.000	8.664	7.664	1.000			8.664	7.664	1.000	3.500	200	4.164	300		500	Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		
8	Đắp bù vào đoạn kênh bị sạt lở, nạo vét lòng kênh Mau Lội xã Xuân Minh	1.220		1.220	920		920	300	-	300	300	-	300		300	-	-	-									
9	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 506 đoạn từ ngã tư Bách hóa đến ngã tư Bến xe và đường vào khu Hội nghị huyện Thọ Xuân (giai đoạn 2)	14.600	10.440	4.160	13.940	10.440	3.500	660	-	660	660	-	660			660	-	660		200		460					
10	Trụ sở cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân	26.384	23.584	2.800	23.943	21.143	2.800	2.441	2.441	-	1.300	1.300	-			1.300	1.300	-	1.300						Đã có kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 10.800 triệu đồng, đã cấp năm 2016: 9.500 triệu đồng, còn lại: 1.300 triệu đồng		
III	Các dự án đang triển khai thực hiện	499.979	346.895	153.084	204.611	160.090	44.521	295.368	186.805	108.563	240.272	161.500	78.772	39.866	13.000	187.406	121.634	65.772	47.870	30.608	36.482	17.955	37.282	17.209	-		
1	Đường giao thông cầu Ké- TT Thọ Xuân huyện Thọ Xuân	232.893	160.534	72.359	121.246	97.650	23.596	111.647	62.884	48.763	92.255	61.255	31.000	18.000	1.000	73.255	43.255	30.000	20.000	20.000	11.500	5.000	11.755	5.000	Đã có kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 71.255 triệu đồng, đã cấp năm 2016: 10.000 triệu đồng, 2017: 18.000 triệu đồng, còn lại: 43.255 triệu đồng		
2	Đường tỉnh lộ 506B, đoạn từ Thọ Lập đi Lam Kinh	47.464	23.250	24.214	24.400	16.000	8.400	23.064	7.250	15.814	17.250	7.250	10.000	5.000	1.000	11.250	2.250	9.000	2.250	3.000		3.000		3.000	Dự toán đầu năm 2017 (thuộc chương trình mục tiêu 51)		
3	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu di tích lịch sử Lê Hoàn xã Xuân Lập	13.363	13.363		11.149	11.149		2.214	2.214	-	2.214	2.214	-			2.214	2.214	-			1.000		1.214		Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu		

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Vốn còn phải bố trí giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020														Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020									
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
															NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 506B đoạn từ QL47B đến nơi thành lập Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa và đường vào Khu di tích lịch sử Quốc gia Lê Hoàn	49.952	36.938	13.014	10.300	10.000	300	39.652	26.938	12.714	33.438	26.938	6.500		500	32.938	26.938	6.000	8.500	2.000	9.000	2.000	9.438	2.000	Vốn ngân sách tỉnh từ nguồn đầu tư, nguồn sự nghiệp kinh tế và nguồn tập trung nhiệm vụ chi bằng tiền
5	Đường từ QL47C đi khu di tích cách mạng Hồ Sỹ Nhân	4.382	3.482	900	500	400	100	3.882	3.082	800	3.882	3.082	800	100	400	3.382	2.982	400	2.000	400	982				Vốn quỹ bảo trì đường bộ
6	Đường Bắc Nam I- Thị trấn Thọ Xuân	10.298		10.298	1.500		1.500	8.798	-	8.798	8.798	-	8.798		1.500	7.298	-	7.298		1.000		3.500		2.798	
7	Trung tâm Day nghề Thọ Xuân	18.600	14.436	4.164	6.074	3.641	2.433	12.526	10.795	1.731	1.731	-	1.731		1.000	731	-	731		731					
8	Hỗ trợ hạ tầng Chợ Đầu mối	10.787		10.787	4.000		4.000	6.787	-	6.787	6.787	-	6.787		2.000	4.787	-	4.787		1.000		2.000		1.787	
9	Nhà công vụ Huyện ủy	1.692		1.692	692		692	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000		1.000	-	-	-							
10	Cải tạo sửa chữa khuôn viên UBND huyện	5.024		5.024	1.000		1.000	4.024	-	4.024	4.024	-	4.024		1.500	2.524	-	2.524		500		900		1.124	
11	Trường THCS Lê Thánh Tông; hạng mục: Nhà bán trú	6.141	5.641	500	4.000	4.000		2.141	1.641	500	2.141	1.641	500	1.641	500	-	-	-							Dự toán đầu năm 2017 thuộc chương trình mục tiêu (2 tỷ). Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục
12	Trạm bơm tiêu Quang Hoa	84.981	82.881	2.100	14.800	13.000	1.800	70.181	69.881	300	57.300	57.000	300	15.125	300	41.875	41.875	-	13.000		14.000		14.875		Đã có kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 70.000 triệu đồng, cấp năm 2016: 13.000 triệu đồng, 2017: 15.125 triệu đồng, còn lại: 41.875 triệu đồng
13	Cầu Mọ xã Quảng Phú	5.571	1.200	4.371	300		300	5.271	1.200	4.071	5.271	1.200	4.071		1.000	4.271	1.200	3.071	1.200	571		1.000		1.500	Ngân sách tỉnh từ nguồn vốn hỗ trợ GTNT
14	Cầu trên đường Xuân Phong- Xuân Khánh	5.670	5.170	500	4.350	4.250	100	1.320	920	400	1.320	920	400		300	1.020	920	100	920	100					Vốn quỹ bảo trì đường bộ
15	Công qua kênh chính Nam tại K17+940 xã Xuân Lai	962		962	-			962	-	962	962	-	962		500	462	-	462		462					
16	Đường điện cấp cho nhà máy may Cẩm Hoàng, xã Xuân Lai	1.455		1.455	-			1.455	-	1.455	1.455	-	1.455		500	955	-	955		400		555			
17	Trụ sở cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân. HM: Sân bê tông và các công trình phụ trợ	744		744	300		300	444	-	444	444	-	444			444	-	444		444					
IV	Các dự án khởi công mới năm 2017	261.257	102.946	158.311	4.779	50	4.729	256.478	102.896	153.582	152.550	96.250	56.300	23.500	18.300	110.750	72.750	38.000	29.800	7.800	24.500	14.400	18.450	15.800	-
a	Dự án đối ứng với NS tỉnh và nguồn khác	102.675	93.646	9.029	4.779	50	4.729	97.896	93.596	4.300	90.050	86.950	3.100	19.500	2.300	68.250	67.450	800	26.000	800	23.000	-	18.450	-	-
1	Trạm bơm tiêu Đồng Ngẫu xã Xuân Sơn	49.675	44.646	5.029	4.729		4.729	44.946	44.646	300	43.300	43.000	300	10.000	300	33.000	33.000	-	11.000		11.000		11.000		Đã có kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 43.000 triệu đồng, 2017: 10.000 triệu đồng, còn lại: 33.000 triệu đồng
2	Đường Thọ Diên-Thọ Lâm	10.000	9.500	500	-			10.000	9.500	500	10.000	9.500	500		200	9.800	9.500	300	5.000	300	2.000		2.500		Nguồn vốn quỹ bảo trì đường bộ
3	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập	35.000	35.000		50	50		34.950	34.950	-	30.250	29.950	300	5.000	300	24.950	24.950	-	10.000		10.000		4.950		Đã có kế hoạch đầu tư công/giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 30.000 triệu đồng, 2016: 50 triệu đồng, 2017: 5.000 triệu đồng, còn lại: 24.950 triệu đồng
4	Vẽ lại đường trục chính TT Thọ Xuân	6.000	4.500	1.500	-			6.000	4.500	1.500	6.000	4.500	1.500	4.500	1.000	500	-	500		500					Nguồn sự nghiệp kinh tế

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Vốn còn phải bố trí giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020														Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020												
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		Tổng số	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
															NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
5	Chuyển bị đầu tư đường từ Thị trấn Thọ Xuân đi Cảng Hàng không.	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	500	-	500		500	-	-	-							
b	Dự án đầu tư từ NS huyện và nguồn khác	158.582	9.300	149.282	-	-	-	158.582	9.300	149.282	62.500	9.300	53.200	4.000	16.000	42.500	5.300	37.200	3.800	7.000	1.500	14.400	-	15.800	
1	Đường Xuân Trường - Xuân Giang - Xuân Sơn	5.000		5.000	-			5.000	-	5.000	5.000	-	5.000		1.000	4.000	-	4.000		1.000		2.000		1.000	
2	Nhà thi đấu	50.000		50.000	-			50.000	-	50.000	23.500	-	23.500		8.000	15.500	-	15.500		2.000		5.000		8.500	
3	Đường giao thông liên xã Quảng Phú	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	2.000	-	2.000		1.000	1.000	-	1.000		500		500			
4	Di chuyển đường điện và lắp đặt trạm biến áp dự án Swimax Tây Hồ	2.700		2.700	-			2.700	-	2.700	2.700	-	2.700		2.000	700	-	700		200		500			
5	Đường vào khu bãi rác xã Xuân Phú	3.000		3.000	-			3.000	-	3.000	3.000	-	3.000		500	2.500	-	2.500		500		500		1.500	
6	Bệnh viện đa khoa huyện, hạng mục: Nhà nội B	5.000		5.000	-			5.000	-	5.000	4.500	-	4.500		2.000	2.500	-	2.500		500		1.000		1.000	
7	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm dạy nghề huyện Thọ Xuân	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	2.000	-	2.000		500	1.500	-	1.500		500		500		500	
8	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc khối đoàn thể huyện Thọ Xuân	800		800	-			800	-	800	800	-	800		300	500	-	500		300		200			
9	Trung tâm hành chính công huyện Thọ Xuân	5.000	4.500	500	-			5.000	4.500	500	5.000	4.500	500		500	4.500	4.500	-	3.000		1.500				Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ
10	Trường THPT Lam Kinh	2.000	2.000		-			2.000	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000		-	-	-							Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo
11	Trường THPT Lê Hoàn, hạng mục tường rào, sân nền mở rộng khuôn viên	3.000	2.800	200	-			3.000	2.800	200	3.000	2.800	200	2.000	200	800	800	-	800						Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo
12	Hỗ trợ Dự án trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp xã Hạnh phúc; Tây Hồ	1.000		1.000	-			1.000	-	1.000	1.000	-	1.000			1.000	-	1.000		500		500			
13	Hỗ trợ dự án chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngõi Sao xã Xuân Phú	3.000		3.000	-			3.000	-	3.000	3.000	-	3.000			3.000	-	3.000		500		1.500		1.000	
14	Trung tâm dạy nghề huyện Thọ Xuân (gđ 2)	6.000		6.000	-			6.000	-	6.000	2.000	-	2.000			2.000	-	2.000				1.000		1.000	
15	Đường Thọ Nguyên - Xuân Khánh	3.000		3.000	-			3.000	-	3.000	3.000	-	3.000			3.000	-	3.000		500		1.200		1.300	
16	Hạ tầng khu dân cư trạm thú y cũ	14.681		14.681	-			14.681	-	14.681	-	-	-			-	-	-							
17	Hạ tầng khu dân cư mới tại xã Thọ Lộc	11.143		11.143	-			11.143	-	11.143	-	-	-			-	-	-							
18	Hạ tầng khu dân cư mới tại xã Thọ Hải	9.608		9.608	-			9.608	-	9.608	-	-	-			-	-	-							
19	Hạ tầng khu dân cư mới tại TT Sao Vàng	4.358		4.358	-			4.358	-	4.358	-	-	-			-	-	-							
20	Hạ tầng khu dân cư mới tại xã Xuân Lai	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
21	Hạ tầng khu dân cư mới tại xã Xuân Bái (gđ 1)	10.292		10.292	-			10.292	-	10.292	-	-	-			-	-	-							
V	Dự án kết thúc trong giai đoạn 2018-2020	299.900	99.900	200.000	150	150	-	296.250	99.750	196.500	128.950	64.850	64.100	4.000	2.700	122.250	60.850	61.400	17.000	14.000	20.000	23.300	23.850	24.100	
a	Lĩnh vực giao thông	91.900	66.900	25.000	150	150	-	91.750	66.750	25.000	58.050	39.850	18.200	4.000	700	53.350	35.850	17.500	12.000	5.500	12.000	7.500	11.850	4.500	

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Vốn còn phải bố trí giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020														Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020												
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		Tổng số	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
															NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
1	Thọ Diên - Thọ Lâm - Xuân Hưng- Xuân sơn	5.000		5.000	-			5.000	-	5.000	5.000	-	5.000			5.000	-	5.000		2.000		2.000		1.000	
2	Thọ Nguyễn - Bắc Lương-Nam Giang	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	11.000	-	11.000			11.000	-	11.000		3.000		5.000		3.000	
3	Thọ Lập - Xuân Châu	4.000	4.000		-			4.000	4.000	-	4.000	4.000	-			4.000	4.000	-	4.000						Nguồn vốn hoàn trả Kênh Bắc
4	Xuân thiên - Kiên Thọ (Ngọc Lặc)	5.000	5.000		-			5.000	5.000	-	5.000	5.000	-			5.000	5.000	-	1.000		2.000		2.000		Nguồn vốn hoàn trả Kênh Bắc
5	Đường Xuân Minh - Xuân Lập - Thọ Thắng	8.000	6.000	2.000	-			8.000	6.000	2.000	8.000	6.000	2.000	4.000	500	3.500	2.000	1.500	2.000	500		500		500	Nguồn quỹ bảo trợ đường bộ: 4 tỷ Nguồn sự nghiệp kinh tế: 2 tỷ Hoàn trả Kênh Bắc: 2 tỷ
6	Xuân Tín - Quảng Phú (Cầu Nưa)	54.900	51.900	3.000	150	150		54.750	51.750	3.000	25.050	24.850	200		200	24.850	24.850	-	5.000		10.000		9.850		Đã có kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh: 23.000 triệu đồng, 2016: 150 triệu đồng, còn lại: 24.850 triệu đồng
b	Lĩnh vực xây dựng dân dụng	104.000	-	104.000	-	-	-	100.500	-	100.500	3.200	-	3.200	-	1.500	1.700	-	1.700	-	500	-	500	-	700	
1	Chỉnh trang các thị trấn, đô thị trên địa bàn huyện	9.000		9.000	-			9.000	-	9.000	1.700	-	1.700			1.700	-	1.700		500		500		700	Vốn sự nghiệp kinh tế
2	Nhà máy nước sạch TT Thọ Xuân: hạng mục Phát triển mạng cấp 2 và lắp đặt đồng hồ nước	5.000		5.000	-			1.500	-	1.500	1.500	-	1.500		1.500	-	-	-							Chuyển cho doanh nghiệp thực hiện
3	Hạ tầng khu dân cư mới xã Xuân Bái (gđ 2)	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
4	Hạ tầng khu dân cư đường vào Cảng hàng không	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
5	Hạ tầng khu tái định cư Lam Sơn - Sao Vàng	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
6	Hạ tầng khu dân cư mới xã Xuân Yên	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
7	Hạ tầng khu dịch vụ công cộng TT Thọ Xuân	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
8	Hạ tầng các khu dân cư đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	15.000		15.000	-			15.000	-	15.000	-	-	-			-	-	-							
c	Lĩnh vực văn hóa - xã hội	92.000	33.000	59.000	-	-	-	92.000	33.000	59.000	56.800	25.000	31.800	-	500	56.300	25.000	31.300	5.000	6.200	8.000	11.500	12.000	13.600	
1	Trường THPT Thọ Xuân IV, HM: GPMB, Nhà đa năng	8.000	4.000	4.000	-			8.000	4.000	4.000	7.000	4.000	3.000			7.000	4.000	3.000	3.000	700	1.000	1.000		1.300	Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục và đào tạo
2	Nhà truyền thống trung tâm văn hóa huyện	5.000		5.000	-			5.000	-	5.000	4.500	-	4.500			4.500	-	4.500		500		2.000		2.000	
3	Sân vận động huyện	30.000		30.000	-			30.000	-	30.000	13.000	-	13.000			13.000	-	13.000		4.000		4.000		5.000	
4	Trung tâm y tế huyện Thọ Xuân	10.000		10.000	-			10.000	-	10.000	6.300	-	6.300		500	5.800	-	5.800		1.000		2.000		2.800	
5	Cải tạo, nâng cấp đền thờ Lê Hoàn huyện Thọ Xuân	15.000	13.000	2.000	-			15.000	13.000	2.000	10.000	9.000	1.000			10.000	9.000	1.000	1.000		3.000	500	5.000	500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ
6	Cải tạo, nâng cấp đền thờ Bà Phạm Thị Ngọc Trăn huyện Thọ Xuân	15.000	13.000	2.000	-			15.000	13.000	2.000	10.000	9.000	1.000			10.000	9.000	1.000	1.000		3.000	500	5.000	500	Ngân sách tỉnh hỗ trợ

TT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư (hoặc giá trị quyết toán)			Vốn đã bố trí đến 31/12/2016			Vốn còn phải bố trí giai đoạn 2017-2020			Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2017-2020															Chi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Kế hoạch vốn năm 2017		Dự kiến kế hoạch vốn giai đoạn 2018 - 2020													
			NS TW, tỉnh	NS huyện		NS TW, tỉnh	NS huyện		Tổng số	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	Tổng số	Trong đó		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020					
															NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện	NS TW, tỉnh	NS huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
7	Cải tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử xã Xuân Minh huyện Thọ Xuân	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	1.000	-	1.000			1.000	-	1.000				500		500		
8	Xây dựng nhà sầm lể, mộ vua Lê Dụ Tông xã Xuân Giang huyện Thọ Xuân	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	1.000	-	1.000			1.000	-	1.000				500		500		
9	Nâng cấp, cải tạo chùa Tạng xã Xuân Trường	5.000	3.000	2.000	-			5.000	3.000	2.000	4.000	3.000	1.000			4.000	3.000	1.000			1.000	500	2.000	500	Ngân sách tỉnh bổ trợ	
d	Lĩnh vực môi trường	1.000	-	1.000	-	-	-	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	500	-	500	-	-		
1	Xử lý bãi rác xã Xuân Sơn	1.000		1.000	-			1.000	-	1.000	1.000	-	1.000			1.000	-	1.000		500		500				
đ	Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh	2.000	-	2.000	-	-	-	2.000	-	2.000	900	-	900	-	-	900	-	900	-	300	-	300	-	300		
1	Trường bán dân thất xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	2.000		2.000	-			2.000	-	2.000	900	-	900			900	-	900		300		300		300		
e	Lĩnh vực khác	9.000	-	9.000	-	-	-	9.000	-	9.000	9.000	-	9.000	-	-	9.000	-	9.000	-	1.000	-	3.000	-	5.000		
1	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn huyện theo đề án phát triển doanh nghiệp	9.000		9.000	-			9.000	-	9.000	9.000	-	9.000			9.000	-	9.000		1.000		3.000		5.000		
VI	Trả nợ Ngân sách	7.890	-	7.890	-	-	-	7.890	-	7.890	7.890	-	7.890	-	6.990	900	-	900	-	900	-	-	-	-	-	-
1	Trả nợ vay NS tỉnh: Đường TL506 đi QL 47 hàng mục: Cầu Bùn Thạch; đường giao thông Xuân Giang - Xuân Sơn; đường Cầu Ké Thọ Xuân	5.990		5.990	-			5.990	-	5.990	5.990	-	5.990		5.990	-	-	-								
2	Trả tiền sử dụng đất các xã XD NTM: Hạnh Phúc	1.900		1.900	-			1.900	-	1.900	1.900	-	1.900		1.000	900	-	900		900						
VII	Kinh phí GPMB	7.280		7.280	-			7.280	-	7.280	7.280	-	7.280		7.280	-	-	-							-	